

Số: 27/BC-MN 8/3

Quận Hai Bà Trưng, ngày 31 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 36 Năm học 2023-2024

- Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Điều lệ trường Mầm non;

- Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc gia”;

- Căn cứ Kế hoạch công khai năm học 2023-2024 của trường Mầm non 8/3;
Trường Mầm non 8/3 báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị trong năm học 2023-2024 như sau:

1. Việc triển khai các văn bản:

- Nhà trường đã triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và trách nhiệm của việc thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Nhà trường đã xây dựng Quy chế thực hiện công khai trong hoạt động trường mầm non theo Quyết định số 166/QĐ-MNII ngày 19/9/2022 và đã triển khai đến toàn bộ đội ngũ nhà trường. Quy chế này có hiệu lực cho đến khi có Quyết định thay thế Quy chế bổ sung, sửa đổi.

- Cán bộ, giáo viên, công nhân viên trong nhà trường nắm chắc và đầy đủ về nội dung công khai, các hình thức công khai và thời điểm công khai.

2. Nội dung công khai:

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung công khai của Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT đối với trường mầm non đó là các biểu mẫu số: 01, 02, 03 và 04.

2.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả

đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (đính kèm Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (đính kèm Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian (đính kèm kế hoạch của nhà trường).

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (đính kèm kế hoạch của nhà trường).

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (đính kèm Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (đính kèm Biểu mẫu 04).

2.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện công tác công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

a) Tình hình tài chính của trường trong năm học 2023-2024:

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước, học phí, các khoản thu chi thỏa thuận với phụ huynh, chi thường xuyên... (đính kèm các biểu mẫu tài chính).

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

b) Thông báo các khoản thu và dự toán chi trong năm học 2023-2024 sau khi đã thỏa thuận với phụ huynh trong hội nghị cha mẹ học sinh đầu năm học (đính kèm thông báo).

4. Thời điểm công khai:

- Cuối năm học 2023-2024, nhà trường đã công khai công khai thông tin cơ sở vật chất; công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

của cơ sở giáo dục và công khai thông tin chất lượng giáo dục vào 31 tháng 5 năm 2024 (các biểu 02, 03, 04).

- Vào tháng 10/2023 đã công khai cam kết chất lượng giáo dục (Biểu mẫu 01).
- Thường xuyên công khai việc thu, chi tài chính trong nhà trường, qua buổi hội đồng sư phạm nhà trường (có biên bản họp hằng tháng).

5. Hình thức công khai:

- Nhà trường đã niêm yết tại bảng công khai đảm bảo thuận tiện cho cán bộ giáo viên và cha mẹ học sinh xem xét.
- Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh (tháng 10/2023).
- Công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường hằng tháng.
- Công bố tại hội nghị cán bộ công chức (vào tháng 10/2023).

6. Kế hoạch triển khai quy chế công khai trong năm học 2023-2024:

- Nhà trường tiếp tục thực hiện công khai theo Kế hoạch ban hành quy chế thực hiện công khai trong năm học 2023-2024.
- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 của nhà trường (Biểu mẫu 01).
- Thông báo các khoản thu đã thỏa thuận đầu năm.
- Công khai tài chính, các khoản thu theo quy định (hằng tháng, học kỳ).
- Công khai khi có yêu cầu đột xuất.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban thanh tra nhân dân, CBGVNV tăng cường công tác giám sát việc thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường và đề xuất những bổ sung, thay đổi nếu thấy cần thiết.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai và thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Trường Mầm non 8/3./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT quận HBT;
- CBGVNV nhà trường;
- Website Mầm non 8/3;
- Tại bảng tin công khai trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Tạ Hoa Dung

UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG
TRƯỜNG MẦM NON 8/3

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Cân nặng bình thường: 100% Suy dinh dưỡng cân nặng: 0% Chiều cao bình thường : 100% Suy dinh dưỡng chiều cao: 0%	Cân nặng bình thường: Trên 94% Chiều cao bình thường: 100% Tỉ lệ trẻ thừa cân, béo phì: dưới 6% Không còn trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	03 nhóm trẻ thực hiện chương trình GDMN theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quyết định ban hành Chương trình Giáo dục mầm non; Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non.	12 lớp mẫu giáo thực hiện chương trình GDMN theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quyết định ban hành Chương trình Giáo dục mầm non; Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Chỉ tiêu chất lượng trên trẻ theo 4 lĩnh vực phát triển: Tỉ lệ trẻ đạt 100% trẻ so với mục tiêu phát triển	- Trên 100% trẻ 5 tuổi trong phường hoàn thành chương trình GDMN (167/167 cháu). 100% trẻ được cung cấp một số kiến thức, kĩ năng ban đầu chuẩn bị

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
			<p>cho trẻ vào lớp 1. Phần đầu đạt: Bé khỏe: 95%; Bé chăm: 95%; Bé ngoan: 100%.</p> <p>- Chỉ tiêu chất lượng trên trẻ theo 5 lĩnh vực phát triển: đạt 99,4% trẻ đạt so mục tiêu phát triển</p>
IV	<p>Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được tiến hành thông qua các hoạt động theo quy định của chương trình giáo dục mầm non. - Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: chăm sóc dinh dưỡng; chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh; chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn. - Hoạt động giáo dục trẻ bao gồm: hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật, hoạt động chơi tập có chủ đích, hoạt động chơi theo ý thích, hoạt động ngày hội, ngày lễ. - Hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong nhà trường, nhà trẻ tuân theo Quy định về giáo dục trẻ em tàn tật, khuyết tật do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. - Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ còn thông qua hoạt động tuyên truyền phổ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục công tác phòng chống SDD về cân nặng và chiều cao cho trẻ, phòng chống béo phì, đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn tai nạn thương tích cho trẻ mầm non, phòng chống dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh khác. - Chú trọng công tác phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ; phòng chống cháy nổ; phòng chống đuối nước; phòng chống thiên tai lũ lụt. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ. - Không nhận thuốc và cho trẻ uống thuốc tại trường, không nhận trẻ đang ốm đến lớp, không sử dụng các loại bể, xô, chậu...không có nắp đậy an toàn để chứa nước. - Không cho người lạ, người không có trách nhiệm vào trường mầm non để tham quan

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		<p>biến kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em cho các cha mẹ trẻ và cộng đồng.</p>	<p>và đón trẻ nhằm đề phòng bắt cóc trẻ hay xâm hại trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, kịp thời phát hiện, khắc phục những yếu tố nguy cơ gây mất an toàn để đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia các hoạt động tại trường, lớp MN. - Tăng cường giáo dục trẻ kỹ năng tự bảo vệ bản thân như phòng ngừa đuối nước, điện giật, cháy bỏng, phòng tránh thiên tai, lũ lụt...

HIỆU TRƯỞNG

đã ký

Tạ Hoa Dung

UBND QUẬN HAI BÀ TRƯNG
TRƯỜNG MẦM NON 8/3

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em			30	65	160	185	167
1	Số trẻ em nhóm ghép			0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày			0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày			30	65	160	185	167
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập			1				
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú			30	65	160	185	167
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe			30	65	160	185	167
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng			30	65	160	185	167
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường			30	52	159	160	160
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân			0	0	1	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường			30	49	156	159	158
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi			0	1	1	1	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì				1	2	0	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ			30	65			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					165	180	167

HIỆU TRƯỞNG
đã ký

Tạ Hoa Dung

UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG
TRƯỜNG MẦM NON 8/3

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	42	9,4m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2964,1m ²	4,8
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1848,5 m ²	3,04
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	85	2,1
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	85	2,1
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	30	0,75
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	40	0,10
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	160	0,26
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	169,2	0,27
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	182,1 m ²	0,3
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	1 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	5 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi	42	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
	tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	105	Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Bàn ánh sáng	15	1
2	Đồ dùng tự làm	45	5
3	Bàn Đa năng	15	1
4	Bộ đồ dùng lắp ráp xây dựng to	15	1
5	Bộ đồ dùng dân gian (mẹt, thúng, giỏ..)	15	1

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m2)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	15	15/15	0,10	0,1/0,1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

HIỆU TRƯỞNG
đã ký

Tạ Hoa Dung

UBND QUẬN HAI BÀ TRƯNG
TRƯỜNG MẦM NON 8/3

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	T	Kh á	Đạt	CD
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		55	1	0	35	11	5	4				20	14	0	0
I	Giáo viên														
1	Nhà trẻ	9	0	0	7	2	0					4	5	0	0
2	Mẫu giáo	25			23	0	2					16	9	0	0
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1	1									1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2							2			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1				1									
4	Nhân viên y tế	1			1										
5	Nhân viên cấp dưỡng	11				9									
6	Nhân viên bảo vệ	4					4								
7	Nhân viên lao công	0													
8	Nhân viên tạp vụ	0													

HIỆU TRƯỞNG

đã ký

Tạ Hoa Dung

